TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019.
V/v tranh chấp“ Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lương Anh Tuấn .
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2/ Bà Bùi Thị Hồng Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Anh.

- Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ : 27 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn”, thụ lý số 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D T, sinh năm .
Thường trú: Nguyễn Đình Chiểu, Phường, Quận , Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ hiện nay: Nguyễn Thượng Hiền, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần T M, sinh năm .
Địa chỉ: Điện Biên Phủ, Phường , Quận , Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị D T và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D T trình bày:

Bà T và ông M đăng ký kết hôn năm 20XX tại Ủy ban nhân dân Phường, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay từ khi hai vợ chồng về chung sống với nhau, do bất đồng quan điểm sống, ông M không tôn trọng vợ, giấu diếm về việc làm ăn, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn tin tưởng lẫn nhau. Do đó bà T đề nghị tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Con chung có 01 con Trần L N sinh ngày , ly hôn bà T xin nuôi, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

-Bị đơn- ông M trình bày: Tôi và bà T kết hôn năm 20XX. Mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh từ cuối năm 20XX, do vợ tôi có sự hiểu lầm, tôi có vay mượn nợ nhưng không muốn cho vợ biết, phải suy nghĩ mệt mỏi nên dấu vợ. Tôi còn yêu thương vợ, do đó tôi không đồng ý ly hôn.

Con chung có 01 con Trần L sinh ngày , nếu phải ly hôn tôi đồng ý giao con cho vợ nuôi, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà L D T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T T M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông M cư ngụ tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Bà T, ông M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường , Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo bà T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngay từ khi hai vợ chồng về chung sống với nhau, do bất đồng quan điểm sống, ông M không tôn trọng vợ, giấu diếm về việc làm ăn, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn tin tưởng lẫn nhau. Vì vậy bà T đề nghị tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Ông M trình bày: Ông và bà T kết hôn năm 20XX. Mâu thuẫn vợ chồng mới phát sinh từ cuối năm 20XX, do vợ tôi có sự hiểu lầm, tôi có vay mượn nợ nhưng không muốn cho vợ biết, phải suy nghĩ mệt mỏi nên giấu vợ. Tôi còn yêu thương vợ, do đó tôi không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện cho bà T và ông M bỏ qua những hiểu lầm và mâu thuẫn để hai vợ chồng về chung sống đoàn tụ lại với nhau; nhưng bà T cương quyết cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà không thể hòa giải được, hiện nay bà không còn tin tưởng ở ông M để có thể chung sống hòa hợp lâu dài. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà T, ông M có 01 con chung tên T N sinh ngày ; hiện nay cháu

còn nhỏ và đang sống cùng với mẹ, do vậy nếu ly hôn bà T và ông M cùng thống nhất giao con cho bà T nuôi. Ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 05/2019 đến khi con thành niên. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà T, ông M.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà L T được ly hôn với ông T M.(bà T, ông M kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số , ngày tháng năm 20xx tại UBND Phường , Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên T N sinh ngày . Ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 (năm triệu) đồng/01 tháng, bắt đầu từ tháng 5/2019 đến khi con thành niên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa trả và thời gian chưa thi hành án.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Về án phí: Bà L T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/xxxx ngày /2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L T tự nguyện chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND P11 Q10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lương Anh Tuấn